

Số. 260 /2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Dầu khí IDICO

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết để bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng; đánh giá tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		85.695.167.847	100.040.066.009
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.377.455.052	17.135.115.779
1. Tiền	111		3.377.455.052	5.631.268.798
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	11.503.846.981
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.949.200.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	24.949.200.000	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.371.757.083	57.789.075.547
1. Phải thu khách hàng	131		36.451.271.801	25.083.717.324
2. Trả trước cho người bán	132		2.206.400.128	3.751.717.153
4. Các khoản phải thu khác	135	5.3	731.092.422	29.672.133.822
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.077.708.348)	(718.492.752)
IV- Hàng tồn kho	140		20.245.357.817	23.258.237.392
1. Hàng tồn kho	141		20.245.357.817	23.258.237.392
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.751.397.975	1.857.637.291
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		468.641.635	393.047.235
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	2.282.756.340	1.464.590.056
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		319.349.289.816	297.140.018.309
I Các khoản phải thu dài hạn	210		106.709.000	106.709.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		106.709.000	106.709.000
II Tài sản cố định	220		293.955.364.711	261.664.910.107
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	36.932.282.048	32.777.699.612
- Nguyên giá	222		68.618.605.034	61.927.707.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.686.322.986)	(29.150.007.807)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	135.719.644.565	135.223.918.882
- Nguyên giá	228		143.815.220.588	141.085.751.665
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.095.576.023)	(5.861.832.783)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	121.303.438.098	93.663.291.613
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.624.966.000	29.022.009.889
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	2.778.116.000	2.778.116.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	846.850.000	26.243.893.889
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.662.250.105	6.346.389.313
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	21.662.250.105	6.346.389.313
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		405.044.457.663	397.180.084.318

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		347.340.187.294	341.946.919.233
I- Nợ ngắn hạn	310		122.074.383.978	128.397.931.925
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	71.193.598.528	77.627.845.992
2. Phải trả người bán	312		18.719.716.705	24.469.709.173
3. Người mua trả tiền trước	313		7.623.817.800	3.114.431.144
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	3.646.896.587	7.223.502.364
5. Phải trả người lao động	315		1.224.418.197	1.557.131.465
6. Chi phí phải trả	316		7.769.566.828	3.276.507.214
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	15.790.537.461	11.057.533.516
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		185.827.472	71.271.057
II- Nợ dài hạn	330		225.265.803.316	213.548.987.308
1. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	15.500.000.000	13.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	54.220.713.206	57.904.220.039
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.17	155.545.090.110	142.644.767.269
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	5.18	57.704.270.369	55.233.165.085
I- Vốn chủ sở hữu	410		57.704.270.369	55.233.165.085
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.532.625.226	1.030.675.248
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		621.442.715	433.497.481
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.550.202.428	3.768.992.356
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		405.044.457.663	397.180.084.318

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2010	1/1/2010
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.543.310.578	3.543.310.578
Nợ tài trợ các loại USD		1.139,28	1.156,06



Lê Thanh Tùng
 Giám đốc
 Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Ngọc Dũng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	109.176.158.543	110.557.942.495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		109.176.158.543	110.557.942.495
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	95.422.901.229	100.570.303.464
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.753.257.314	9.987.639.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	8.686.688.929	5.366.003.079
7. Chi phí tài chính	22	5.21	6.988.159.275	4.825.426.129
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.859.157.763	4.825.426.129
8. Chi phí bán hàng	24		3.393.322.871	3.105.031.487
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.890.716.880	6.767.619.614
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.947.711.217	655.564.880
11. Thu nhập khác	31	5.22	2.210.372.857	2.631.695.742
12. Chi phí khác	32	5.22	536.712.967	144.164.419
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.673.659.890	2.487.531.323
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.621.371.107	3.143.096.203
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	737.013.089	125.707.500
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.884.358.018	3.017.388.703
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	977	603



Lê Thanh Tùng
 Giám đốc
 Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Ngọc Dũng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	147.825.794.829	139.756.897.011
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(79.319.857.768)	(16.759.404.750)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.866.440.090)	(15.249.262.674)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(14.882.179.698)	(14.658.346.655)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(508.925.967)	(879.222.761)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.337.238.820	80.929.464.546
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(37.323.796.593)	(71.608.668.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.261.123.985	101.531.456.411
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.172.192.195)	(82.041.842.676)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	502.500.000	149.110.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(33.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	22.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.098.000.000)	(660.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.664.276.945	11.503.846.981
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.567.144.835	491.892.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.536.270.415)	(82.056.993.412)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	85.215.033.208	76.664.517.474
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(95.332.787.505)	(83.414.724.715)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.364.760.000)	(245.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.482.514.297)	(6.995.227.241)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(11.757.660.727)	12.479.235.758
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.135.115.779	4.655.880.021
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5,377.455.052	17.135.115.779



Lê Thanh Tùng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Ngọc Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp - TNHH Một thành viên (IDICO).

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500101298 lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 20/05/2009.

Tên viết tắt của Công ty là IDICO-CONAC.

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh lần đầu là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Sở hữu vốn:

	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty IDICO	4.368.700	43.687.000.000	87,37%
Các cổ đông khác	631.300	6.313.000.000	12,63%
Cộng	5.000.000	50.000.000.000	100 %

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, bưu chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cầu cảng để bán, cho thuê mua;
- Đầu tư xây dựng - khai thác - chuyển giao (BOT) các dự án đường bộ, cầu cảng; Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí;
- Kinh doanh vận tải, xăng, dầu, nhớt, nước, điện;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho công nghiệp xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp;
- Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Mua bán vật liệu xây dựng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Đầu tư tạo lập khu công nghiệp, để bán, cho thuê mua;
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 2/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký đơn giản.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng Cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc
Máy móc và thiết bị
Thiết bị văn phòng
Phương tiện vận tải

2010
Số năm
25 - 50
08 - 10
03 - 05
08 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu; Quyền sử dụng đất khách sạn Long Hải tại quốc lộ 44, ấp Hải Hòa, thị trấn Long Hải. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lợi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Doanh thu, giá vốn hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của Hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu, giá vốn Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hợp chí ghi tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngược lại không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ - Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên, các công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	1.385.362.929	492.500.359
Tiền gửi ngân hàng	1.992.092.123	5.138.768.439
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	11.503.846.981
Tổng	5.377.455.052	17.135.115.779

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	249.949.200.000	-
Tổng	249.949.200.000	-

Chi tiết như sau

Tên Công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Vốn thực góp tại 31/12/2010
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	249.949.200.000	10%	24.949.200.000

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu khác	731.093.422	29.672.133.822
- Tổng Công ty IDICO, trong đó:	-	28.145.348.067
- Phải thu về góp vốn kinh doanh	-	14.000.000.000
- Phải thu các công trình	-	14.145.348.067
- Các khoản phải thu khác	731.093.422	1.526.785.755
Tổng	731.093.422	29.672.133.822

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.312.890.639	4.512.345.558
Công cụ, dụng cụ	6.936.575	9.032.330
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.084.042.139	17.760.353.699
Thành phẩm	2.742.050.132	971.381.532
Hàng hoá	11.194.735	2.145.307
Hàng gửi đi bán	88.243.597	2.978.966
Tổng	20.245.357.817	23.258.237.392

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	2.282.756.340	1.464.590.056
Tổng	2.282.756.340	1.464.590.056

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6 Tài sản cố định hữu hình

MÁUB 09 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	46.270.563.615	10.988.175.351	2.593.110.413	705.560.841	1.370.356.899	61.927.707.419
Tăng trong năm	6.951.985.210	614.047.605	570.546.036	65.073.327	-	8.201.652.178
Mua trong năm	-	614.047.605	570.546.036	65.073.327	-	1.249.666.968
XDCB hoàn thành	6.951.985.210	-	-	-	-	6.951.985.210
Giảm trong năm	-	510.754.563	-	-	-	1.510.754.563
Thanh lý, nhượng bán	-	1.510.754.563	-	-	-	1.510.754.563
Số dư tại 31/12/2010	53.222.489.125	10.991.468.233	3.163.656.449	770.634.168	1.370.356.899	68.618.605.034
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2010	17.589.304.619	8.030.733.807	1.435.887.719	517.197.180	677.484.482	29.150.007.807
Tăng trong năm	2.429.573.550	952.589.839	259.481.015	73.911.388	225.051.408	3.940.607.050
Khấu hao trong năm	2.429.573.550	952.589.839	259.481.015	73.911.388	225.051.408	3.940.607.050
Giảm trong năm	-	1.404.291.871	-	-	-	1.404.291.871
Thanh lý, nhượng bán	-	1.404.291.871	-	-	-	1.404.291.871
Số dư tại 31/12/2010	20.018.878.169	8.478.431.625	1.695.368.734	591.108.568	902.535.890	31.686.322.986
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2010	28.681.199.296	2.058.041.544	1.157.222.694	188.363.661	692.872.417	32.777.699.612
Tại 31/12/2010	33.203.610.956	1.613.036.768	1.468.287.715	179.525.600	467.821.009	36.932.282.048

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Giá trị thương hiệu	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2010	51.268.597.454	2.000.000.000	87.817.154.211	141.085.751.665
Tăng trong năm	-	-	4.729.468.923	4.729.468.923
Tăng KCN Mỹ Xuân B1	-	-	4.729.468.923	4.729.468.923
Giảm trong năm	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Giảm khác	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Số dư tại 31/12/2010	51.268.597.454	-	92.546.623.134	143.815.220.588
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2010	-	-	5.861.832.783	5.861.832.783
Tăng trong năm	-	-	2.233.743.240	2.233.743.240
Khấu hao trong năm	-	-	2.233.743.240	2.233.743.240
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	-	-	8.095.576.023	8.095.576.023
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2010	51.268.597.454	2.000.000.000	81.955.321.428	135.223.918.882
Tại 31/12/2010	51.268.597.454	-	84.451.047.111	135.719.644.565

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	102.542.208.628	79.477.021.871
Dự án khu cao ốc 26 Nguyễn Ái Quốc	12.664.121.924	10.632.126.209
Dự án nhà ở CBQNV của chuyên gia Tân Thành	136.154.636	133.083.095
Dự án đầu tư bãi tắm Long Hải	627.697.977	391.500.805
Dự án sản phẩm, nhà phôi Nhà máy	1.916.630	16.946.410
Vật liệu xây dựng Phú Mỹ		
Dự án cụm Công nghiệp Tam Phước 2	1.436.154.403	1.283.738.523
Đầu tư khác	3.895.183.900	1.728.874.700
	121.303.438.098	93.663.291.613

5.9 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Liên doanh Lesco	2.778.116.000	2.778.116.000
	2.778.116.000	2.778.116.000

Liên doanh Lesco có tổng số vốn đầu tư là 6.945.290.000 đồng, số vốn góp của Công ty chiếm 40% tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	-	24.949.200.000
Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí IDICO	-	500.000.000
Công ty Cổ Phần Lắp Máy Điện Nước IDICO	486.850.000	434.693.889
Công ty CP Phát Triển Điện Quảng Ninh	360.000.000	360.000.000
	846.850.000	26.243.893.889

Chi tiết như sau

Tên Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Vốn thực góp tại 31/12/2010
Công ty CP Lắp Máy Điện Nước IDICO	80.000.000.000	0,6%	486.850.000
Công ty CP Phát Triển Điện Quảng Ninh	30.000.000.000	20%	360.000.000

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí đầu tư mô sét	17.396.045.503	3.809.349.366
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	990.185.081	2.299.506.581
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.277.356.738	190.983.558
Chi phí khác	1.998.662.783	46.549.808
Tổng	21.662.250.105	6.346.389.313

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	71.193.598.528	77.627.845.992
Ngân hàng DT & PT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	40.394.514.012	51.470.610.681
Ngân hàng DT & PT Phú Mỹ tỉnh Vũng Tàu	8.495.032.991	6.873.183.786
Ngân hàng DT & PT Đồng Đồng Nai	4.500.000.000	19.000.000.000
Ngân hàng DT & PT tỉnh Bà Rịa	14.320.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Tp.HCM - Chi nhánh Vũng Tàu	2.000.000.000	-
Vay đối tượng khác	1.484.051.525	284.051.525
Tổng	71.193.598.528	77.627.845.992

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.043.799.889	7.084.198.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp	355.794.683	125.707.500
Thuế thu nhập cá nhân	27.302.415	13.596.159
Thuế tài nguyên	120.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	100.000.000	-
Tổng	3.646.896.987	7.223.502.364

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	76.010.317	143.391.696
Bảo hiểm xã hội	9.811.007	11.779.957
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.205.216.137	10.902.361.863
- Ngân sách tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	2.500.000.000	3.843.629.484
- Ứng vốn Công ty BOT An Suông An Lạc	2.286.308.092	4.282.244.092
- Các khoản phải trả khác	6.918.908.045	2.776.488.287
Tổng	11.790.537.461	11.057.533.516

5.15 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.500.000.000	13.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	13.000.000.000	13.000.000.000
- Công ty TNHH Đại Dương	2.500.000.000	-
Tổng	15.500.000.000	13.000.000.000

5.16 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	54.220.713.206	57.904.220.039
Ngân hàng ĐT & PT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	22.527.692.000	17.890.692.000
Ngân hàng ĐT & PT Phú Mỹ tỉnh Vũng Tàu	100.000.000	420.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Đông Đồng Nai	31.593.021.206	39.593.528.039
Tổng	54.220.713.206	57.904.220.039

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)Vay dài hạn NH Đầu tư và Phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2006/HDTD ngày 27/3/2006, lãi suất 0.95%/tháng thay đổi sáu tháng 1 lần, số tiền vay 2.520.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay đầu tư dự án khai thác mỏ sét Mỹ Xuân, hình thức bảo đảm tiền vay thế chấp tài sản.

- Hợp đồng tín dụng số 76082.00.004565.7 ngày 28/12/2006, lãi suất 1.575%/tháng, số tiền vay 22.330.000.000 đồng, mục đích nộp tiền chuyển quyền sử dụng đất 326 Nguyễn An Ninh, hình thức bảo đảm tiền vay thế chấp tài sản.

- Hợp đồng tín dụng số 03.XDDK/2010 ngày 17/3/2010, lãi suất 15%/năm, số tiền vay 10.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay đầu tư dự án khai thác mỏ sét Mỹ Xuân, hình thức bảo đảm tiền vay thế chấp tài sản.

Vay dài hạn NH ĐT&PT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu CN Phú Mỹ:

- Hợp đồng tín dụng số 01/08/01/611435 ngày 8/12/2008 lãi suất 12%/tháng đồng 3%/năm, số tiền vay 900.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay cải tạo sân phi cơ gạch mở rộng.

Vay dài hạn NH Đầu tư và Phát triển Đồng Đồng Nai:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2004/HĐ ngày 27/9/2004, lãi suất 0,87%/tháng, thay đổi 12 tháng 1 lần, số tiền vay 14.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay đầu tư dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1.

- Hợp đồng tín dụng số 067/2006/HĐ ngày 29/03/2006, lãi suất 1,15%/tháng, thay đổi sáu tháng 1 lần. Số tiền vay 20.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay đầu tư dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐ ngày 27/01/2009, lãi suất 1,15%/tháng, thay đổi sáu tháng 1 lần. Số tiền vay 26.499.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay đầu tư dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1.

5.17 Doanh thu nhận trước

Doanh thu nhận trước thể hiện số tiền Công ty đã nhận trước từ những hợp đồng cho thuê đất tại khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 - Bà Rịa Vũng Tàu. Doanh thu nhận trước sẽ được phân bổ vào doanh thu trong kỳ theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời điểm của từng hợp đồng cho thuê.

5.18 Vốn chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD (*)			Vốn góp thực tế
	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	12/31/2010
		(VND)	(%)	(VND)
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị & Khu công nghiệp VN	4.368.700	43.687.000.000	87,37	43.687.000.000
Các cổ đông khác	631.300	6.313.000.000	12,63	6.313.000.000
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100,0	50.000.000.000

(*): Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3500101298 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày lần đầu 29/12/2006, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 20/05/2009.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 5.000.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông : 5.000.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư từ chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	50.000.000.000	1.030.675.248	433.497.481	2.537.067.662	54.001.240.391
Tăng trong năm	-	-	-	3.017.388.703	3.017.388.703
Lãi	-	-	-	3.017.388.703	3.017.388.703
Giảm trong năm	-	-	-	1.785.464.009	1.785.464.009
Chia cổ tức	-	-	-	1.282.246.085	1.282.246.085
Giảm khác	-	-	-	503.217.924	503.217.924
Số dư tại 31/12/2009	50.000.000.000	1.030.675.248	433.497.481	3.768.992.356	55.233.165.085
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	1.030.675.248	433.497.481	3.768.992.356	55.233.165.085
Tăng trong năm	-	503.469.978	187.945.234	4.884.358.018	5.574.253.230
Lãi	-	503.469.978	-	4.884.358.018	4.884.358.018
Phân phối lợi nhuận	-	-	187.945.234	-	689.895.212
Giảm trong năm	-	-	-	3.103.147.946	2.279.006.138
Trích quỹ	-	-	-	824.141.808	824.141.808
Chia cổ tức	-	-	-	2.160.000.000	2.160.000.000
Giảm khác	-	-	-	119.006.138	119.006.138
Số dư tại 31/12/2010	50.000.000.000	1.532.625.226	621.442.715	5.550.202.428	57.704.270.369

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	31.510.395.423	21.701.365.714
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.750.316.476	15.646.662.824
Doanh thu hợp đồng xây dựng	61.915.446.644	73.209.913.957
Tổng	109.176.158.543	110.557.942.495

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.103.416.566	17.848.924.476
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.190.286.982	9.961.917.756
Giá vốn xây dựng	57.129.737.681	72.759.461.232
Tổng	97.423.441.229	100.570.303.464

5.21 Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.366.315.598	233.466.520
Hỗ trợ lãi suất đầu tư	440.011.122	1.091.009.221
Doanh thu bán chứng khoán	671.621.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.536.519.969	1.475.000.000
Khác	3.072.195.240	2.566.527.338
Tổng	8.086.662.929	5.366.003.079
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	5.859.157.763	4.825.426.129
Chi phí tài chính khác	749.011.512	-
Tổng	6.608.169.275	4.825.426.129
Thu nhập tài chính - thuần	1.478.493.654	540.576.950

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.22 Thu nhập / chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả	809.146.171	990.178.556
Thu nhập từ thanh lý tài sản	456.818.181	153.809.524
Thu nhập khác	944.408.505	1.487.707.662
Tổng	2.210.372.857	2.631.695.742
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản	285.059.735	102.110.413
Các khoản khác	251.683.332	42.054.006
Tổng	536.742.967	144.164.419
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.673.629.890	2.487.531.323

5.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	5.621.371.107	3.143.096.203
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	19.656.561	976.101.688
Tổng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	1.424.648.338
Thu nhập chịu thuế	5.601.714.546	3.591.642.853
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	737.013.089	125.707.500
Thuế TNDN phát sinh hoạt động cho thuê đất	331.707.773	359.164.285
Thuế TNDN phát sinh hoạt động khác	571.159.203	-
Thuế TNDN được miễn giảm	165.853.887	233.456.785
Tổng	737.013.089	125.707.500

5.24 Lợi trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.884.358.018	3.017.388.703
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.884.358.018	3.017.388.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	977	603

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.898.243.566	43.358.776.075
Chi phí nhân công	16.241.916.337	30.844.286.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.172.520.685	3.402.584.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.816.555.496	9.427.648.777
Chi phí khác bằng tiền	18.018.487.136	36.870.888.091
Tổng	94.147.723.220	123.904.184.417

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2010 VND
Lương, thù lao HĐQT, BKS, Ban Giám đốc	746.974.650

Giao dịch với các bên liên quan

Nghệp vụ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Các giao dịch bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	-	1.106.604.477
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (URBIZ)	9.005.998.400	3.525.300.400
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	14.962.223.953	59.477.573.618
Tổng	23.968.222.353	64.109.478.495
Các giao dịch mua		
Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO (INCON)	335.961.360	235.041.949
Công ty CP Kiểm định Xây dựng IDICO (VINACONTRON)	75.505.726	68.631.000
Công ty CP SX và kinh doanh VLXD IDICO (COMATRA)	-	183.904.203
Tổng	411.467.086	487.577.152

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2010 VND	1/1/2010 VND
Phải thu khách hàng	1.181.995.433	175.746.797
Công ty TNHH MTV phát triển đô thị và KCN IDICO (URBIZ)	1.181.995.433	159.651.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng IDICO	-	16.095.797
Ứng trước cho nhà cung cấp	88.776.000	75.000.000
Công ty CP tư vấn đầu tư IDICO (INCON)	88.776.000	75.000.000
Phải thu khác	129.411.592	28.312.091.970
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam - TNHH Một thành viên	-	28.145.348.067
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Du lịch IDICO	129.411.592	166.743.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp	3.889	-
Máy điện nước IDICO	-	-
Tổng	1.400.183.025	28.562.838.767

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2010 VND	1/1/2010 VND
Phải trả người bán	-	40.931.000
Công ty CP Kiểm định Xây dựng IDICO (VINACONTRON)	-	40.931.000
Phải trả phải nộp khác	16.949.406.240	18.061.173.510
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam - TNHH Một thành viên	1.172.898.148	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị IDICO	490.200.000	490.200.000
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO	13.000.000.000	13.288.729.418
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	2.286.308.092	4.282.244.092
Tổng	16.949.406.240	18.102.104.510

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.



Lê Thanh Tùng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Phạm Ngọc Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập biểu